

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	3
Báo cáo của Ban giám đốc	4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của công ty là Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Mai Hương Nội	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Xiêm	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Việt Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Lê Thăng Long	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 06/05/2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Lê Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2016	Ngày 27/04/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		725.395.705.299	729.733.120.990
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	99.596.238.006	699.919.779.201
1. Tiền	111		76.096.238.006	692.919.779.201
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.500.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	12.000.000.000	10.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		12.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		608.848.339.578	12.217.997.820
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	5.222.695.829	3.686.254.081
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	735.242.699	723.686.530
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2	600.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.833.802.585	7.808.057.209
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		56.598.465	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.571.780.900	7.595.343.969
1. Hàng tồn kho	141	V.6	4.571.780.900	7.595.343.969
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		379.346.815	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		376.346.815	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		3.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.847.544.849	67.198.795.175
II. Tài sản cố định	220		10.441.072.069	25.300.885.704
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	10.214.748.780	25.300.885.704
- Nguyên giá	222		22.154.362.381	51.718.791.987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.939.613.601)	(26.417.906.283)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	226.323.289	-
- Nguyên giá	228		231.467.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.143.711)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	13.511.710.589	-
- Nguyên giá	231		29.564.429.606	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(16.052.719.017)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.500.000.000	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	4.500.000.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	9.394.762.191	18.580.279.511
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.239.919.511	3.239.919.511
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.340.360.000	15.340.360.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.185.517.320)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	23.317.629.960
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	23.317.629.960
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		763.243.250.148	796.931.916.165

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2016	Ngày 27/04/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		59.451.547.520	46.040.809.156
I. Nợ ngắn hạn	310		56.557.061.667	46.040.809.156
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.779.361.471	7.804.972.182
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.720.892	41.987.424
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.12	3.535.524.489	536.729.424
4. Phải trả người lao động	314		547.712.949	6.803.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	44.152.987.647	23.036.694.854
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		495.146.459	1.375.593.997
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.005.607.760	13.238.027.375
II. Nợ dài hạn	330		2.894.485.853	82.142.905.441
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.11	2.894.485.853	82.142.905.441
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		703.791.702.628	750.891.107.009
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	704.747.942.750	679.904.068.612
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		679.099.600.000	679.099.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		71.791.507.009	71.791.507.009
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(47.099.404.381)	-
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(55.829.506.309)</i>	<i>-</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>8.730.101.928</i>	<i>-</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		763.243.250.148	796.931.916.165



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 01 năm 2017



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

Quý 4 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2016	Quý IV/2015	Từ 27/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 26/04/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.293.058.753	10.502.504.373	18.118.020.688	7.885.227.979
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.293.058.753	10.498.221.473	18.118.020.688	7.885.227.979
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	(8.834.931.740)	(6.628.791.282)	(12.388.255.136)	(2.818.792.449)
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.541.872.987)	3.869.430.191	5.729.765.552	5.066.435.530
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.155.191.974	241.831.237	21.431.245.148	826.861.204
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(61.724.679)	(45.170.935)	(61.724.679)	(1.256.262)
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	(1.790.860.919)	(2.537.139.501)	(4.428.686.376)	(2.167.498.165)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(628.036.959)	(2.870.424.739)	(11.229.390.754)	(3.050.132.809)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.132.696.430	(1.341.473.747)	11.441.208.891	674.409.498
11. Thu nhập khác	31		24.145.440	61.982.018	165.786.698	101.616.492
12. Chi phí khác	32		(346.495.970)	(61.982.018)	(498.267.480)	-
13. Lợi nhuận khác	40		(322.350.530)	-	(332.480.782)	101.616.492
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.810.345.900	(1.341.473.747)	11.108.728.109	776.025.990
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.7	(1.418.066.497)	(91.801.895)	(2.378.626.181)	(126.608.285)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.392.279.403	(1.433.275.642)	8.730.101.928	649.417.705
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				129	



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 01 năm 2017



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 27/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 26/04/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.108.728.109	776.025.990
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.579.570.046	164.803.544
Các khoản dự phòng	03		59.625.841	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(13.169.365)	(94.691.905)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(21.415.976.945)	(730.913.037)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.681.222.314)	115.224.592
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(812.962.775)	(170.888.322)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.240.229.736	229.953.627
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(28.426.389.799)	(4.062.045.591)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.888.960.679	(1.870.356.627)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.791.384.473)	(5.858.112.321)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 27/04/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 26/04/2016
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(604.731.467.000)	-
2. Nhận lại tiền gửi tiết kiệm			20.000.000.000	-
3. Gửi tiền tiết kiệm			(22.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.199.310.278	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(587.532.156.722)	(10.000.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31			692.598.832.894
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			-	692.591.489.800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(600.323.541.195)	676.733.377.479
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		699.919.779.201	23.186.401.722
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		99.596.238.006	699.919.779.201





Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 01 năm 2017

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng

Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý 4 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thông tin doanh nghiệp**

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 27 tháng 4 năm 2016

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 44, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2016 là: 79 người (ngày 27/04/2016: 89 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán năm đầu tiên của Công ty là từ ngày 27 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh

doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm sách, văn hóa phẩm.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời ...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ

7. Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 49	năm
Các công trình kiến trúc khác	10 - 20	năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15	năm
Phương tiện vận tải	5 - 12	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8	năm
Phần mềm máy tính	3 - 8	năm
Bản quyền	4 - 8	năm

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Nhà cửa	30 - 50	năm
Tài sản cố định khác	5 - 15	năm

Tài sản cố định hữu hình chuyển sang bất động sản đầu tư theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ban hành ngày 13/10/2016. Tỷ lệ phân bổ theo diện tích cho thuê trên tổng diện tích.

9. Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc.

10. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng

6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cụ thể như sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

14. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán sách và văn hóa phẩm

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh sách, văn hóa phẩm và lịch Bloc, doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

16. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	27/04/2016
Tiền mặt	149.169.408	190.634.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.947.068.598	692.729.144.929
Các khoản tương đương tiền	23.500.000.000	7.000.000.000
	99.596.238.006	699.919.779.201

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		27/04/2016	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng	12.000.000.000	12.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
b) Cho vay				
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	600.000.000.000	600.000.000.000	-	-
	612.000.000.000	612.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000

(*) Cho vay một đối tác là doanh nghiệp theo hợp đồng số 01/2016/GNN thời hạn cho vay 01 năm từ ngày 13/07/2016 đến ngày 13/07/2017 với lãi suất 7%/năm. Trả lãi định kỳ theo tháng.

c) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016	27/04/2016
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam		
Giá gốc khoản đầu tư	3.239.919.511	3.239.919.511
Dự phòng	-	-
Giá trị hợp lý	3.239.919.511	3.239.919.511
Đầu tư vào đơn vị khác		
Công ty Liên doanh TNHH Kim Ngọc		
Giá gốc khoản đầu tư	15.340.360.000	15.340.360.000
Dự phòng	(9.185.517.320)	-
Giá trị hợp lý	6.154.842.680	15.340.360.000
	9.394.762.191	18.580.279.511

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2016	27/04/2016
Phải thu của khách hàng	5.222.695.829	3.686.254.081
Trong đó		
<i>Công ty Cổ phần in Sách Việt Nam</i>	3.983.689.384	740.293.200
<i>Các đối tượng khác</i>	1.239.006.445	2.945.960.881

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	27/04/2016
Trả trước ngắn hạn cho người bán	735.242.699	723.686.530
Trong đó		
<i>Bản quyền sách Almanach</i>	682.909.091	682.909.091
<i>Các đối tượng khác</i>	52.333.608	40.777.439

5. Phải thu khác

	31/12/2016	27/04/2016
Tạm ứng cho nhân viên		2.000.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa		7.591.121
Phải thu ngắn hạn khác	2.833.802.585	7.798.466.088
<i>Phải thu về quỹ cổ phần hóa</i>	119.005.135	1.492.772.679
<i>Phải thu khác (Nợ cũ)</i>	166.241.896	6.305.693.409
<i>Phải thu lãi dự trả</i>	2.548.555.554	
	2.833.802.585	7.808.057.209

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		27/04/2016	
	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại
Công cụ dụng cụ	26.597.272	26.597.272	-	-
Hàng hóa	4.545.183.628	4.545.183.628	7.595.343.969	7.595.343.969
	4.571.780.900	4.571.780.900	7.595.343.969	7.595.343.969

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016		27/04/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Giải phóng mặt bằng khu 22A Hai Bà Trưng	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	44.364.989.845	913.524.181	6.440.277.961	51.718.791.987
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(29.564.429.606)			(29.564.429.606)
Số cuối kỳ	14.800.560.239	913.524.181	6.440.277.961	22.154.362.381
Giá trị hao mòn				
Số đầu kỳ	20.771.654.588	569.029.316	5.077.222.379	26.417.906.283
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(16.052.719.017)	-	-	(16.052.719.017)
KH trong năm	1.307.376.633	44.510.490	222.539.212	1.574.426.335
Số cuối kỳ	6.026.312.204	613.539.806	5.299.761.591	11.939.613.601
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	23.593.335.257	344.494.865	1.363.055.582	25.300.885.704
Số cuối kỳ	8.774.248.035	299.984.375	1.140.516.370	10.214.748.780

9. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Mua trong năm	231.467.000	5.143.711	226.323.289
Số cuối kỳ	231.467.000	5.143.711	226.323.289

10. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Phân loại từ tài sản cố định	29.564.429.606	16.052.719.017	13.511.710.589
Số cuối kỳ	29.564.429.606	16.052.719.017	13.511.710.589

11. Phải trả người bán

	31-12-2016		27-04-2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	6.779.361.471	6.779.361.471	7.804.972.182	7.804.972.182
Trong đó:				
Công ty TNHH Thương mại Nhất Thống	1.008.644.872	1.008.644.872		
Các đối tượng khác	5.770.716.599	5.770.716.599		

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau

	31/12/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	27/04/2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.378.626.181	2.378.626.181	-	-
Thuế nhập khẩu		3.396.740	3.396.740	
Thuế thu nhập cá nhân	62.848.016	144.395.272	122.504.158	40.956.902
Thuế GTGT phải nộp	38.817.604	464.941.061	652.125.250	226.001.793
Thuế, phí khác	1.055.232.688	1.227.965.862	442.503.903	269.770.729
	3.535.524.489	4.219.325.116	1.220.530.051	536.729.424

13. Chi phí phải trả

	31/12/2016	27/04/2016
Chi phí bán hàng trích trước	192.320.000	117.800.000
Phải trả tiền thuê nhà và đất	43.960.667.647	22.918.894.854
Trong đó		
<i>Công ty TNHH MTV Quản lý Phát triển nhà Hà Nội</i>	26.375.075.844	
<i>Chi cục Thuế Hoàn Kiếm</i>	19.983.325.971	
	44.152.987.647	23.036.694.854

14. Phải trả khác

	31/12/2016	27/04/2016
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	49.271.309	
Bảo hiểm xã hội	96.329	-
Phải trả nhà nước về cổ phần hóa	956.240.122	8.936.795.739
Chi phí cổ phần hóa	-	1.633.508.679
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	2.667.722.957
	1.005.607.760	13.238.027.375
b) Dài hạn		
Đặt cọc thuê văn phòng, quầy hàng	721.309.200	-
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	2.173.176.653	82.142.905.441
	2.894.485.853	82.142.905.441

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu kỳ	679.099.600.000	71.791.507.009	-	750.891.107.009
Lãi trong năm nay			8.730.101.928	(46.947.632.871)
Giảm khác (*)			(55.829.506.309)	
Số dư cuối kỳ	679.099.600.000	71.791.507.009	(47.099.404.381)	703.791.702.628

(*) Điều chỉnh các chi phí liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty TNHH Một Thành Viên Sách Việt Nam.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	27/04/2016
Cổ đông nhà nước – Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	67.909.960.000	67.909.960.000
Tập đoàn Vingroup – Công ty cổ phần	443.642.740.000	443.642.740.000
Cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000
	679.099.600.000	679.099.600.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV/2016
Doanh thu bán hàng sách và văn hóa phẩm	4.129.000.524
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.164.058.229
	7.293.058.753

2. Giá vốn hàng bán

	Quý IV/2016
Giá vốn của hàng bán sách và văn hóa phẩm	2.783.561.116
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.051.370.624
	8.834.931.740

3. Doanh thu tài chính

	Quý IV/2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	524.197.604
Lãi cho vay	10.616.666.667
Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.327.703
	11.155.191.974

4. Chi phí tài chính

	Quý IV/2016
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.098.838
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	59.625.841
	61.724.679

5. Chi phí bán hàng

	Quý IV/2016
Chi phí nhân viên	1.468.348.537
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.441.792
Chi phí bảo hành	877.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.333.690
Chi phí bằng tiền khác	251.859.585
	1.790.860.919

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV/2016
Chi phí nhân viên quản lý	1.672.574.402
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.105.837
Chi phí khấu hao TSCĐ	589.127.380
Thuế, phí và lệ phí	374.158.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài (điều chỉnh)	(2.075.055.824)
Chi phí bằng tiền khác	28.127.000
	628.036.959

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Quý IV/2016
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.418.066.497

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

Đến thời điểm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa hoàn thành thủ tục quyết toán vốn nhà nước với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để chính thức bàn giao sang công ty cổ phần. Do đó, số liệu đầu kỳ có thể thay đổi theo quyết định chính thức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.



Nguyễn Thị Minh
Người lập
Ngày 20 tháng 01 năm 2017



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Lê Thăng Long
Tổng Giám đốc